

Số: 491/TB-THPT

Phú Thọ, ngày 17 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

**Về việc các khoản thu – chi đầu năm (có thuế TNDN)
Năm học 2024-2025**

Căn cứ vào Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một Kế hoạch Khung thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Thủ dầu Một;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 2235/SGDĐT-KHTC ngày 07/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương V/v hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 1478/PGDĐT-TCKH ngày 14/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TPTDM V/v triển khai Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương và Công văn số 2235/SGDĐT-KHTC ngày 07/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 3290/UBND-VP ngày 15/9/2023 của UBND TPTDM V/v tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Công văn số 2235/SGDĐT-KHTC ngày 07/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 1527/HD-PGDĐT ngày 25/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TPTDM V/v hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 01/HD-SGDĐT-SLĐT&XH-BHXH ngày 12/8/2024 của Liên ngành Sở GD&ĐT-Sở LĐTB&XH-BHXH tỉnh Bình Dương, Hướng dẫn Liên ngành thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 28/HKH ngày 30/7/2018 của Hội Khuyến học tỉnh Bình Dương về thu hội phí khuyến học với mức thu 12.000 đồng/ 1 năm/ 1 hội viên; Công văn số 19/HKH ngày 21/02/2023 của Hội Khuyến học tỉnh Bình Dương V/v: chấn chỉnh việc thu hội phí hội Khuyến học;

Căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 – 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương, của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Dầu Một và tình hình thực tế tại Trường Tiểu học Phú Thọ;

Căn cứ biên bản họp thống nhất trong Ban giám hiệu ngày 18/9/2023, Ban Liên tịch ngày 19/9/2023, Hội đồng sư phạm ngày 19/9/2023, Hội nghị Ban Đại diện CMHS trường lớp năm

học 2022-2023 ngày 23/9/2023, Hội nghị Cha mẹ học sinh lớp và Hội nghị Cha mẹ học sinh toàn trường ngày 24/9/2023 về việc thống nhất các khoản thu – chi đầu năm học 2023 – 2024;

Căn cứ biên bản họp thống nhất trong Ban giám hiệu ngày 11/9/2024, Ban Liên tịch ngày 12/9/2024, Hội đồng sư phạm ngày 13/9/2024 và ngày 16/9/2024, Hội nghị Ban Đại diện CMHS trường lớp năm học 2023-2024 ngày 14/9/2024, Hội nghị Cha mẹ học sinh lớp và Hội nghị Cha mẹ học sinh toàn trường ngày 15/9/2024 về việc thống nhất các khoản thu – chi đầu năm học 2024 – 2025;

Theo quy định của Nhà nước thì tất cả khoản thu thỏa thuận (như phục vụ bán trú, dạy học buổi 2, vệ sinh trường lớp,...) thì Nội dung chi đều phải trích nộp 2% thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN);

Nay Trường Tiểu học Phú Thọ xin thông báo cho tất cả Hội đồng sư phạm, cha mẹ học sinh toàn trường, Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp nội dung các khoản thu – chi đầu năm - Năm học 2024-2025 của Trường Tiểu học Phú Thọ cụ thể như sau:

DỰ TRÙ THU – KẾ HOẠCH CHI CÁC KHOẢN THU ĐẦU NĂM NĂM HỌC 2024-2025: (CÓ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP) (THUẾ TNDN)

A. THU HỘ – CHI HỘ (BẢO HIỂM Y TẾ)

1. Đối với lớp 1:

- Học sinh lớp 1 chưa có thẻ BHYT: Đóng 15 tháng (thẻ BHYT có giá trị từ 01/10/2024 đến 31/12/2025). Thu làm 2 đợt:

+ **Đợt 1:** Thu 3 tháng (thẻ có giá trị từ 01/10/2024 đến 31/12/2024): 221.130 đồng.

Thời gian thực hiện thu: Từ ngày ra thông báo đến ngày 12/9/2024, phụ huynh chuyển khoản vào tài khoản của trường.

(Những PH không thực hiện chuyển khoản thì đóng trực tiếp tại văn phòng – bộ phận tài chính).

+ Học sinh có ngày sinh từ ngày **01/01/2018** đến ngày **01/10/2018**: thu 3 tháng (hạn thẻ từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024): **221.130** đồng.

+ Học sinh có ngày sinh từ ngày **02/10/2018** đến ngày **01/11/2018**: thu 2 tháng (hạn thẻ từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024): **147.420** đồng.

+ Học sinh có ngày sinh từ ngày **02/11/2018** đến ngày **01/12/2018**: thu 1 tháng (hạn thẻ từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024): **73.710** đồng.

+ Học sinh có ngày sinh từ **02/12/2018** đến **31/12/2018** thì không nộp tiền vào đợt này.

+ **Học sinh lưu ban đã tham gia bảo hiểm y tế năm 2024: Không thu.**

+ **Học sinh thuộc đối tượng ưu tiên chính sách đã được nhà nước cấp thẻ BHYT như: con bộ đội, công an, hộ nghèo, ...: không thu (nộp thẻ BHYT đối tượng khác photo cho GVCN).**

+ **Đợt 2:** Thu 12 tháng (thẻ có giá trị từ 01/01/2025 đến 31/12/2025): 884.520 đ.

Thời gian thực hiện thu: Từ 01/11/2024 -> 30/11/2024.

2. Đối với lớp 2, 3, 4, 5:

- Thu 12 tháng (thẻ có giá trị từ 01/01/2025 đến 31/12/2025): 884.520 đ.

- Thời gian thực hiện thu: Từ 01/11/2024 -> 30/11/2024.

* **Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu là bệnh viện ở tuyến huyện tương đương nhau như: Trung tâm y tế Thủ Dầu Một, Bệnh viện Vạn Phúc, Medic, Bach Đằng – sau lưng Nhà thờ ngã 6,... thẻ BHYT HS khám chỗ nào cũng được, cho nên trường chọn tên đại diện 1 cơ sở ở tuyến huyện cho HS (nếu PH không đăng ký nơi khám). Không được đăng ký tuyến tỉnh (Bệnh viện đa khoa tỉnh - 512 giường và Bệnh viện phục hồi chức năng) để tránh quá tải cho tuyến trên.**

* **Nội dung chi: Thu đủ bù chi:** Thu bao nhiêu chi bấy nhiêu

- Đợt 1 (hạn thẻ từ 01/10/2024 đến 31/12/2024): Chi nộp 100% số tiền thu về cơ quan BHXH tỉnh Bình Dương trước ngày 15/9/2024.

- Đợt 2 (hạn thẻ từ 01/01/2025 đến 31/12/2025): Chi nộp 100% số tiền thu về cơ quan BHXH tỉnh Bình Dương trước ngày 15/12/2024.

B. KẾ HOẠCH THU, CHI THỎA THUẬN PHỤC VỤ LẠI CHO HỌC SINH:

THU THEO THỎA THUẬN: Tất cả các khoản thu thỏa thuận thực hiện đúng nguyên tắc thu đủ bù chi:

1. TIỀN VỆ SINH TRƯỜNG LỚP:

- Mức thu: 11.000 đồng/HS/tháng.

- Hình thức thu: thu theo từng tháng.

- Thời gian thực hiện thu: Từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.

- Tổng số học sinh toàn trường: 1.592.

+ **Miễn khoản thu** theo quy định đối với học sinh: thuộc đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; **thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; thuộc hộ nghèo** theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; **bị khuyết tật**; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ: **16 học sinh** (Nguyễn Tấn Huy – lớp 1/4 - chậm phát triển, hạn chế tương tác giao tiếp xã hội, **đang làm hồ sơ**; Hoàng Tâm Duyên – lớp 1/6 – hội chứng Down, khuyết tật trí tuệ nặng, có trợ cấp XH; Trần Bảo Lâm – lớp 1/7 – Chậm phát triển trí tuệ và ngôn ngữ, hạn chế giao tiếp xã hội, **chưa có hồ sơ**; Phan Khánh Băng – lớp 1/7 – Chậm phát triển trí tuệ và ngôn ngữ, hạn chế giao tiếp xã hội, **chưa có hồ sơ**; Phạm Thúy Kiều – lớp 2/1 – bị khuyết tật thần kinh tâm thần nhẹ; Dương Bảo Ngọc – lớp 2/4 - hộ nghèo; Hồ Phước Long – lớp 2/7 – tăng động, **đang làm hồ sơ**; Nguyễn Minh Đức – lớp 3/3 – khuyết tật trí tuệ nhẹ; Ngô Minh Thư – lớp 3/4 – hộ nghèo; Nguyễn Hoài Bảo Nam – lớp 3/6 – khuyết tật chậm phát triển tâm thần trung bình, rối loạn học động và chú ý);

(Nguyễn Ngọc Bảo Trân – lớp 1/2 - hội chứng Down (thần kinh tâm thần mức độ nặng); Trần Nguyễn Kim An – lớp 1/3 – thần kinh tâm thần nặng; Phạm Ngọc An Khang – lớp 1/5 – hộ nghèo, **chưa có hồ sơ**; Phạm Minh Hùng – lớp 2/7 – trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ - thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Huỳnh Ngô Chí Bảo – lớp 3/5 – bị khuyết tật thần kinh tâm thần nặng; Trần Đình Thọ - lớp 3/8 – khuyết tật đi lại khó khăn nói không tròn câu: không ăn bán trú).

+ **Giảm 50% khoản thu** đối với học sinh: **thuộc hộ cận nghèo** theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên: **5 học sinh** (Ngô Cát Tường – lớp 1/5 – hộ cận nghèo; Hồ Nhã Hân – lớp 2/6 – hộ cận nghèo; Nguyễn Ngọc Thịnh – lớp 5/1 – hộ cận nghèo; Ngô Mạnh Vũ – lớp 5/7 – có sổ hộ cận nghèo);

(Nguyễn Kiều Gia Nghi – lớp 2/8 – có sổ hộ cận nghèo: không ăn bán trú).

+ Dự kiến thất thu: 20.

- Tổng số học sinh phải thu: $1.592 - (16 \text{ (miễn 100\%)} + 20) = 1.556$.

- Dự trừ kinh phí tổng thu: **17.033.500 đồng**; cụ thể:

11.000 đồng/học sinh/tháng x 1.551 học sinh = 17.061.000 đồng.

5.500 đồng/học sinh/tháng x 5 học sinh = 27.500 đồng.

* Ước thuế TNDN 2%: $17.088.500 \text{ đồng} \times 2\% = 341.770 \text{ đồng}$

* Ước số tiền dự trừ thu được sau khi trừ thuế TNDN:

$17.061.000 \text{ đồng} - 341.770 \text{ đồng} = 16.719.230 \text{ đồng}$

* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình sĩ số học sinh hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền thu cho phù hợp.

* **KẾ HOẠCH CHI:**

- **Thu theo thỏa thuận: Tất cả các khoản thu thỏa thuận thực hiện đúng nguyên tắc thu đủ bù chi.**

- Nội dung chi: Chi 100% chi trả tiền hợp đồng 4 nhân viên vệ sinh trường lớp.

- Thuê nhân viên phục vụ vệ sinh: (VS lớp học, cầu thang, hành lang, cửa, nhà vệ sinh,...; Sĩ số bình quân/trường: 400 học sinh/1 người)

- Tổng số học sinh toàn trường: 1.592.

- Tổng số nhân viên vệ sinh trường lớp:

$1592 \text{ học sinh} : 400 \text{ học sinh} = 3,98 \text{ người}$. Làm tròn: 4 người.

- Số tiền cần chi cho 4 nhân viên vệ sinh trường lớp:

+ Số tiền cần chi cho 1 nhân viên vệ sinh trường lớp cơ sở Dốc Chùa: 4.180.000 đồng/tháng.

+ Số tiền cần chi cho 3 nhân viên vệ sinh trường lớp cơ sở chính: Số tiền còn lại **của mỗi tháng** chia đều cho 3:

$16.719.230 \text{ đồng} - 4.180.000 \text{ đồng} = 12.539.230 \text{ đồng} : 3 \text{ người} = 4.179.743 \text{ đồng/người/tháng}$ (ước chi).

* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình sĩ số học sinh hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

- Trong tháng 01, 02 và tháng 5/2025:

+ Chi trả lương hỗ trợ thêm cho đủ tháng cho các nhân viên vệ sinh: trả nguyên lương do tháng tết người lao động được hưởng nguyên lương trong số ngày nghỉ theo Luật Lao động và trong thời gian học sinh được nghỉ học sớm hơn thì người lao động vẫn phải tham gia công tác dọn dẹp vệ sinh, kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ,...

2. TIỀN 2 BUỔI/NGÀY (BUỔI 2):

Tiền học buổi chiều lớp 1, 2, 3, 4, 5: Thu thỏa thuận, thực hiện đúng nguyên tắc thu đủ bù chi.

Thực hiện thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương Nghị quyết quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Thu 4.000đ/1 học sinh/1 tiết. Căn cứ vào số tiết thực học buổi chiều của học sinh của từng khối lớp làm cơ sở để thu tiền học buổi chiều.

- Số tiết thực học buổi chiều của học sinh, sau khi trừ các tiết học ở giờ chính khóa của học sinh lớp 1, 2, 3, 4, 5 trong 1 tuần.

Chương trình GDPT năm 2018 đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5

STT	Khối	Tuần học	Số tiết theo CT GDPT 2018	Số tiết thực dạy	Số tiết ngoài Chương trình GDPT 2018
1	MỘT	Tuần 1-9	25 tiết (trong đó 4 tiết bộ môn)	7 tiết/ng x 5 ngày	= 35 - 25 = 10 tiết
		Tuần 10- 35	27 tiết (trong đó 6 tiết bộ môn)	7 tiết/ng x 5 ngày	= 35 - 27 = 08 tiết
2	HAI	Tuần 1-35	27 tiết (trong đó 6 tiết bộ môn)	7 tiết/ng x 5 ngày	= 35 - 27 = 08 tiết
3	BA	Tuần 1-35	28 tiết (trong đó 9 tiết BM)	8 tiết/ng x 5 ngày	= 40 - 28 = 12 tiết
4	BỐN	Tuần 1-35	30 tiết (trong đó 10 tiết bộ môn)	8 tiết/ng x 5 ngày	= 40 - 30 = 10 tiết
5	NĂM	Tuần 1-35	30 tiết (trong đó 10 tiết bộ môn)	8 tiết/ng x 5 ngày	= 40 - 30 = 10 tiết

Khối	Tuần	Số tiết ngoài CT GDPT 2018	Mức thu 1 tuần /HS (đ)	Số tuần	Tổng thu (9 tháng/ năm học) (đ)	Bình quân/ tháng (đ)	Học KNS thu phí (đ)	Tổng thu 1 tháng
1	Tuần 1 - 9	10	40.000	9	360.000	132.444đ Làm tròn: 132.000đ	0	132.000đ
	Tuần 10 - 35	8	32.000	26	832.000			
2						124.444đ		124.000đ

	Tuần 1 - 35	8	32.000	35	1.120.000	Làm tròn: 124.000đ	0	
3	Tuần 1 - 35	12	48.000	35	1.680.000	186.666đ Làm tròn: 187.000đ	0	187.000đ
4	Tuần 1 - 35	10	40.000	35	1.400.000	155.555đ Làm tròn: 156.000đ	0	156.000đ
5	Tuần 1 - 35	10	40.000	35	1.400.000	155.555đ Làm tròn: 156.000đ	0	156.000đ

*** Tổng hợp:**

- Số tiền thu học buổi chiều bình quân 1 tháng:

Học sinh không đăng kí học KNS
+ Lớp 1: 132.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 2: 124.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 3: 187.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 4: 156.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 5: 156.000đ/1HS/1 tháng.

- **Tổng số học sinh từ khối 1 đến khối 5: 1.592/766 nữ**

- + Tổng số lớp : 39 lớp, trong đó:
- + Học sinh Khối 1: 8 lớp: 320 học sinh
- + Học sinh khối 2: 8 lớp: 337 học sinh
- + Học sinh khối 3: 8 lớp: 319 học sinh
- + Học sinh khối 4: 7 lớp: 291 học sinh
- + Học sinh khối 5: 8 lớp: 325 học sinh

- **Miễn khoản thu** theo quy định đối với học sinh: thuộc đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; **thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; thuộc hộ nghèo** theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; **bị khuyết tật**; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ: **16 học sinh** (Nguyễn Tấn Huy – lớp 1/4 - chậm phát triển, hạn chế tương tác giao tiếp xã hội, **đang làm hồ sơ**; Hoàng Tâm Duyên – lớp 1/6 – hội chứng Down, khuyết tật trí tuệ nặng, có trợ cấp XH; Trần Bảo Lâm – lớp 1/7 – Chậm phát triển trí tuệ và ngôn ngữ, hạn chế giao tiếp xã hội, **chưa có hồ sơ**; Phan Khánh Băng – lớp 1/7 – Chậm phát triển trí tuệ và ngôn ngữ, hạn chế giao tiếp xã hội, **chưa có hồ sơ**; Phạm Thúy Kiều – lớp 2/1 – bị khuyết tật thần kinh tâm thần nhẹ; Dương Bảo Ngọc – lớp 2/4 - hộ nghèo; Hồ Phước Long – lớp 2/7 – tăng động, **đang làm hồ sơ**; Nguyễn Minh Đức – lớp

3/3 – khuyết tật trí tuệ nhẹ; Ngô Minh Thư – lớp 3/4 – hộ nghèo; Nguyễn Hoài Bảo Nam – lớp 3/6 – khuyết tật chậm phát triển tâm thần trung bình, rối loạn học động và chú ý);

(Nguyễn Ngọc Bảo Trân – lớp 1/2 - hội chứng Down (thần kinh tâm thần mức độ nặng); Trần Nguyễn Kim An – lớp 1/3 – thần kinh tâm thần nặng; Phạm Ngọc An Khang – lớp 1/5 – hộ nghèo, chưa có hồ sơ; Phạm Minh Hùng – lớp 2/7 – trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ - thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Huỳnh Ngô Chí Bảo – lớp 3/5 – bị khuyết tật thần kinh tâm thần nặng; Trần Đình Thọ - lớp 3/8 – khuyết tật đi lại khó khăn nói không tròn câu: không ăn bán trú).

+ **Giảm 50% khoản thu** đối với học sinh: **thuộc hộ cận nghèo** theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên: **5 học sinh** (Ngô Cát Tường – lớp 1/5 – hộ cận nghèo; Hồ Nhã Hân – lớp 2/6 – hộ cận nghèo; Nguyễn Ngọc Thịnh – lớp 5/1 – hộ cận nghèo; Ngô Mạnh Vũ – lớp 5/7 – có sổ hộ cận nghèo);

(Nguyễn Kiều Gia Nghi – lớp 2/8 – có sổ hộ cận nghèo: không ăn bán trú).

+ Dự kiến thất thu: 20.

- Tổng số học sinh 2 buổi/ ngày phải thu: $1.592 - (16 \text{ (miễn 100\%)} + 20) = 1.556$.

- Dự trù (ước thu) kinh phí tổng thu từ tháng 9/2024: **234.056.000 đồng**. Cụ thể như sau:

+ Lớp 1: $132.000 \text{ đồng/học sinh/tháng} \times 308 \text{ học sinh} = 40.656.000 \text{ đồng}$.

$66.000 \text{ đồng/học sinh/tháng} \times 1 \text{ học sinh} = 66.000 \text{ đồng}$.

Lớp 1: 40.722.000 đồng

+ Lớp 2: $124.000 \text{ đồng/học sinh/tháng} \times 327 \text{ học sinh} = 40.548.000 \text{ đồng}$.

$62.000 \text{ đồng/học sinh/tháng} \times 2 \text{ học sinh} = 124.000 \text{ đồng}$.

Lớp 2: 40.672.000 đồng

+ **Lớp 3: $187.000 \text{ đồng/học sinh/tháng} \times 310 \text{ học sinh} = 57.970.000 \text{ đồng}$** .

+ **Lớp 4: $156.000 \text{ đồng/học sinh/tháng} \times 287 \text{ học sinh} = 44.772.000 \text{ đồng}$** .

+ Lớp 5: $156.000 \text{ đồng/học sinh/tháng} \times 319 \text{ học sinh} = 49.764.000 \text{ đồng}$.

$78.000 \text{ đồng/học sinh/tháng} \times 2 \text{ học sinh} = 156.000 \text{ đồng}$.

Lớp 5: 49.920.000 đồng

* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình sĩ số học sinh hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền thu cho phù hợp.

- Thời gian: Từ 09/9/2024 đến 23/5/2025.

- Hình thức thu: thu theo tháng.

- Thời gian thực hiện thu: Từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.

- Chi: Thu bao nhiêu, chi bấy nhiêu theo tỷ lệ:

* **Phương án xây dựng định mức chi:**

- Số giáo viên tham gia dạy lớp học 2 buổi/ngày: 39 giáo viên, cụ thể:

+ Lớp 1: 8 giáo viên.

+ Lớp 2: 8 giáo viên.

+ Lớp 3: 8 giáo viên.

+ Lớp 4: 7 giáo viên.

+ Lớp 5: 8 giáo viên.

- Ước chi:

+ Chi trả tiền thêm giờ cho giáo viên dạy học buổi 2: Giáo viên dạy lớp buổi chiều (buổi 2): 80% trên tổng số học sinh thu của khối của mỗi tháng:

$234.056.000 \text{ đồng} \times 80\% = 187.244.800 \text{ đồng}$: 39 GV (chia theo khối).

+ Còn lại 20% trên tổng số thu của mỗi tháng ước chi cho các hoạt động: $234.056.000 \text{ đồng} \times 20\% = 46.811.200 \text{ đồng}$.

Bao gồm:

+ Chi 10% trên tổng số thu của mỗi tháng: Hỗ trợ công tác quản lý dạy học 2 buổi/ngày (đối tượng hưởng gồm: 3 Ban giám hiệu, Thủ quỹ, kế toán), 3 bảo vệ, 2 phục vụ; tỉ lệ từng người hưởng: $= 234.056.000 \text{ đồng} \times 10\% = 23.405.600 \text{ đồng}$ (Hiệu trưởng 2%, PHT 3,6% (2 người, mỗi người 1,8%), KT 1,8%, TQ 1,4%, PV: 0,6% (2 người, mỗi người 0,3%), BV 0,6% (3 người, mỗi người 0,2%).

+ Chi 10% trên tổng số thu mỗi tháng: Tăng cường cơ sở vật chất, sửa chữa nhỏ (sửa chữa bàn ghế, đèn, quạt, điện, nước, laphong,... phòng học và nhà vệ sinh, sửa chữa - thay thế các thiết bị máy vi tính phòng Tin học, sửa chữa - thay thế các thiết bị máy chiếu, tivi phòng học và phòng chức năng,...); hỗ trợ chi phí điện, nước; vệ sinh, phục vụ trực tiếp công tác dạy buổi thứ 2 $= 234.056.000 \text{ đồng} \times 10\% = 23.405.600 \text{ đồng}$. **Trong đó:**

Chi thuê người phục vụ vệ sinh (2 người, sử dụng hợp đồng thời vụ với người lao động để thực hiện dọn vệ sinh trường lớp, nhà vệ sinh của học sinh) $= \text{khoảng } 5.300.000 \text{ đồng/người/tháng} \times 2 \text{ người} = \text{khoảng } 10.600.000 \text{ đồng}$.

Ước nộp thuế TNDN 2%: $234.056.000 \times 2\% = 4.681.120 \text{ đồng}$.

Số tiền còn lại (khoảng 8.124.480 đồng) chi hoạt động tu sửa CSVC; hỗ trợ chi phí điện, nước, vệ sinh phí, phục vụ trực tiếp công tác dạy buổi thứ 2).

* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình sĩ số học sinh hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

* **Kết luận:** Mức thu 1 tháng:

Học sinh không đăng kí học KNS
+ Lớp 1: 132.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 2: 124.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 3: 187.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 4: 156.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 5: 156.000đ/1HS/1 tháng.

- Thời gian: Từ 09/9/2024 đến 23/5/2025.

- Trong tháng 01, 02 và tháng 5/2025:

+ Thu tiền buổi 2: Thu – chi theo ngày thực học.

3. TIỀN BÁN TRÚ:

3.1. Tiền mua thực phẩm để nấu ăn (đối với HS bán trú):

- Mức thu: 32.000 đồng/HS/ngày.

- Hình thức thu: *thu theo từng tháng*.

- Thời gian thực hiện thu: *từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.*

- Tên đơn vị/ công ty cung cấp thực phẩm chính cho trường: Công ty Cổ phần thực phẩm Fresco và tên đơn vị/ công ty cung cấp thực phẩm ăn xé cho trường: Công ty TNHH TM-TP Hoàng Ngọc, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tấn Minh, Công ty TNHH SX TM Đầu tư Hoàng Phát Food, Công ty TNHH thực phẩm Ánh Hồng, Cơ sở Sumi. (Công văn số 892/PGDĐT ngày 29/7/2019 V/v Thông báo danh sách các đơn vị đáp ứng đủ điều kiện về năng lực, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm năm học 2019-2020; Kế hoạch số 1043/KH-SGDĐT ngày 07/6/2019 Kế hoạch tổ chức thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại các cơ sở giáo dục, đơn vị trường học trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2019-2022; Công văn số 1419/PGDĐT-TCCB ngày 19/8/2022 Về việc thông báo bổ sung danh sách các cơ sở, đơn vị công ty cung cấp thực phẩm đáp ứng đủ điều kiện về năng lực đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm năm học 2022-2023.).

- Tiền mua thực phẩm cho HS tham gia bán trú: 32.000đ/ngày/hs x số ngày trong tháng (tùy mỗi tháng).

3.2. Tiền phục vụ bán trú (đối với HS bán trú, không bao gồm tiền ăn của học sinh, có tổ chức nấu ăn):

- Mức thu: 145.000 đồng/HS/tháng.

- Hình thức thu: *thu theo từng tháng.*

- Thời gian thực hiện thu: *Từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.*

- Tổng số học sinh bán trú: 1.343.

+ **Miễn khoản thu** theo quy định đối với học sinh: thuộc đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; **thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; thuộc hộ nghèo** theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; **bị khuyết tật**; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ: **16 học sinh** (Nguyễn Tấn Huy – lớp 1/4 - chậm phát triển, hạn chế tương tác giao tiếp xã hội, **đang làm hồ sơ**; Hoàng Tâm Duyên – lớp 1/6 – hội chứng Down, khuyết tật trí tuệ nặng, có trợ cấp XH; Trần Bảo Lâm – lớp 1/7 – Chậm phát triển trí tuệ và ngôn ngữ, hạn chế giao tiếp xã hội, **chưa có hồ sơ**; Phan Khánh Bằng – lớp 1/7 – Chậm phát triển trí tuệ và ngôn ngữ, hạn chế giao tiếp xã hội, **chưa có hồ sơ**; Phạm Thúy Kiều – lớp 2/1 – bị khuyết tật thần kinh tâm thần nhẹ; Dương Bảo Ngọc – lớp 2/4 - hộ nghèo; Hồ Phước Long – lớp 2/7 – tăng động, **đang làm hồ sơ**; Nguyễn Minh Đức – lớp 3/3 – khuyết tật trí tuệ nhẹ; Ngô Minh Thư – lớp 3/4 – hộ nghèo; Nguyễn Hoài Bảo Nam – lớp 3/6 – khuyết tật chậm phát triển tâm thần trung bình, rối loạn học động và chú ý): 10 hs;

(Nguyễn Ngọc Bảo Trân – lớp 1/2 - hội chứng Down (thần kinh tâm thần mức độ nặng); Trần Nguyễn Kim An – lớp 1/3 – thần kinh tâm thần nặng; Phạm Ngọc An Khang – lớp 1/5 – hộ nghèo, **chưa có hồ sơ**; Phạm Minh Hùng – lớp 2/7 – trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ - thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Huỳnh Ngô Chí Bảo – lớp 3/5 – bị khuyết tật thần kinh tâm thần nặng; **Trần Đình Thọ - lớp 3/8 – khuyết tật đi lại khó khăn nói không tròn câu: 06 hs không ăn bán trú).**

+ **Giảm 50% khoản thu** đối với học sinh: **thuộc hộ cận nghèo** theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên: **5 học sinh** (Ngô Cát Tường – lớp 1/5 – hộ cận nghèo; Hồ Nhã Hân – lớp 2/6 – hộ cận nghèo; Nguyễn Ngọc Thịnh – lớp 5/1 – hộ cận nghèo; Ngô Mạnh Vũ – lớp 5/7 – có sổ hộ cận nghèo): 4 hs;

(Nguyễn Kiều Gia Nghi – lớp 2/8 – có sổ hộ cận nghèo: 01 hs không ăn bán trú).

- Dự trừ số học sinh phải thu = $1343 - (10 + 4) = 1329$, cụ thể:

$145.000 \text{ đ/ tháng} \times 1325 \text{ hs} = 192.125.000 \text{ đồng.}$

$72.500 \text{ đ/ tháng} \times 4 \text{ hs} = 290.000 \text{ đồng}$

- Dự trừ kinh phí tổng thu: $192.125.000 \text{ đồng} + 290.000 \text{ đồng} = 192.415.000 \text{ đồng}$

* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình học sinh tham gia bán trú hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền thu cho phù hợp.

* **KẾ HOẠCH CHI:**

- **Thu theo thỏa thuận: Tất cả các khoản thu thỏa thuận thực hiện đúng nguyên tắc thu đủ bù chi.**

1. Tiền ăn (đối với HS bán trú):

+ Mức thu: 32.000 đồng/HS/ngày.

+ Hình thức thu: *thu theo từng tháng.*

+ Thời gian thực hiện thu: *từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.*

+ Nội dung chi: Chi 100% chi trả tiền thức ăn của học sinh 2 bữa ăn trưa và ăn xế cho các công ty: Công ty Cổ phần thực phẩm Fresco; Công ty TNHH TM-TP Hoàng Ngọc, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tấn Minh, Công ty TNHH SX TM Đầu tư Hoàng Phát Food, Công ty TNHH thực phẩm Ánh Hồng, Cơ sở Sumi.

2. Nội dung chi phục vụ bán trú (không bao gồm tiền ăn của học sinh, cấp tiểu học, có tổ chức nấu ăn)

- Dự trừ số học sinh phải thu = $1343 - (10 + 4) = 1329$, cụ thể:

$145.000 \text{ đ/ tháng} \times 1325 \text{ hs} = 192.125.000 \text{ đồng.}$

$72.500 \text{ đ/ tháng} \times 4 \text{ hs} = 290.000 \text{ đồng}$

- Dự trừ kinh phí tổng thu: $192.125.000 \text{ đồng} + 290.000 \text{ đồng} = 192.415.000 \text{ đồng}$

* Ước thuế TNDN 2%: $192.415.000 \text{ đồng} \times 2\% = 3.848.300 \text{ đồng}$

* Ước số tiền dự trừ thu được sau khi trừ thuế TNDN:

$192.415.000 - 3.848.300 \text{ đồng} = \mathbf{188.566.700 \text{ đồng}}$

2.1. Hợp đồng cấp dưỡng (1 CD phục vụ > 110 HS)

- Tổng số học sinh bán trú: 1.343.

- Tổng số cấp dưỡng: Số lượng cấp dưỡng = (Số HS bán trú : 100 HS bán trú) bao gồm cả bếp trưởng, bếp phó nếu có = $1.343 : 110 = 12,2$. Làm tròn: 12 cấp dưỡng.

- Tổng số tiền chi cho cấp dưỡng:

$5.550.000 \text{ đồng/cấp dưỡng/tháng} \times 12 \text{ cấp dưỡng} = \mathbf{66.600.000 \text{ đồng. (1)}}$

Trong đó:

Bếp trưởng:

$7.300.000 \text{ đồng/người/tháng} \times 1 \text{ người} = 7.300.000 \text{ đồng/ tháng.}$

Bếp phó:

6.300.000 đồng/người/tháng (trên 1000 HS có 2 bếp phó nếu cần thiết):

6.300.000 đồng/người/tháng x 1 người = 6.300.000 đồng/ tháng.

Cấp dưỡng:

5.300.000 đồng/người/tháng x 10 người = 53.000.000 đồng/ tháng.

* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình học sinh tham gia bán trú hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

2.2. Tiền bán trú và giữ trẻ ngoài giờ (bảo mẫu) (thời gian trông trẻ từ 10h/10h30/11h đến 14h/ 15h15):

- Tổng số học sinh bán trú: 1.343.

- Tổng số người giữ trẻ ngoài giờ (bảo mẫu):

1.343 học sinh/ 35 lớp => 35 người.

- Tổng số tiền chi cho người giữ trẻ ngoài giờ (bảo mẫu): **77.000.000 đồng/ tháng (2)**

77.000.000 đồng/ tháng : 35 người = 2.200.000 đồng

* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình học sinh tham gia bán trú hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

2.3. Chi cho công tác quản lý, bảo vệ, phục vụ, y tế:

2.3.1. BGH trực tiếp phụ trách bán trú:

1,5 lần LTTC = 1,5 x 2.340.000 đồng = 3.510.000 đồng.

1 người x 3.510.000 đồng/tháng = 3.510.000 đồng/ tháng.

2.3.2. BGH còn lại: (phải có tham gia công tác bán trú):

1 lần LTTC = 2.340.000 đồng.

2 người x 2.340.000 đồng/người/tháng = 4.680.000 đồng/ tháng.

2.3.3. Kế toán: 0,7 lần LTTC (hỗ trợ + 0,2 lần LTTC cho Kế toán đối với các trường có từ 1.000 HS bán trú trở lên) = (0,7 x 2.340.000 đ) + (0,2 x 2.340.000 đ) = 1.638.000 đ + 468.000đ = 2.106.000 đ

1 người x 2.106.000 đồng/người/tháng = 2.106.000 đồng/ tháng.

2.3.4. Thủ quỹ: 0,7 lần LTTC = 0,7 x 2.340.000 đồng = 1.638.000 đồng

1 người x 1.638.000 đồng/người/tháng = 1.638.000 đ/ tháng.

2.3.5. Y tế: 0,5 lần LTTC = 0,5 x 2.340.000 đồng = 1.170.000 đồng

1 người x 1.170.000 đồng/người /tháng = 1.170.000 đồng/ tháng.

2.3.6. Bảo vệ: (hưởng lương NSNN theo bảng lương):

0,3 lần LTTC = 0,3 x 2.340.000 đồng = 702.000 đồng.

2 người x 702.000 đồng/người/tháng = 1.404.000 đồng/ tháng.

2.3.7. Phục vụ: (hưởng lương NSNN theo bảng lương):

0,3 lần LTTC = 0,3 x 2.340.000 đồng = 702.000 đồng.

2 người x 702.000 đồng/người/tháng = 1.404.000 đồng/ tháng.

=> TỔNG CHI QUẢN LÝ: 15.912.000 đồng (3)

* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình học sinh tham gia bán trú hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

4. Phụ thu: điện, nước sinh hoạt, chất đốt, bổ sung dụng cụ để phục vụ cho công tác bán trú:

(4) = Tổng thu sau khi trừ thuế TNDN – ((1) + (2) + (3)) = 188.566.700 – (66.600.000 + 77.000.000 + 15.912.000) = 29.054.700 đồng. Chi cụ thể những nội dung như sau:

- **Chất đốt (Tiền gas), sửa chữa, bảo trì ga, điện, nước sinh hoạt, bổ sung dụng cụ để phục vụ cho công tác bán trú - vệ sinh phí (lau sàn, chổi, rửa chén, màng bọc thực phẩm,... nhà bếp):** Quyết toán theo thực tế hàng tháng (thu đủ bù chi).

* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình học sinh tham gia bán trú hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

* **Kết luận:**

- **Tiền mua thực phẩm cho HS tham gia bán trú: 32.000đ/ngày/hs x số ngày trong tháng (tùy mỗi tháng).**

- **Tiền phục vụ bán trú (không bao gồm tiền ăn của học sinh, cấp tiểu học, có tổ chức nấu ăn): 145.000 đồng/HS/tháng.**

- Trong tháng 01, 02 và tháng 5/2025:

+ Thu tiền mua thực phẩm cho học sinh: Thu – chi theo ngày thực học.

+ Chi trả lương hỗ trợ thêm cho đủ tháng cho các đối tượng tham gia quản lý bán trú (BGH, kế toán, thủ quỹ, y tế, bảo vệ, bảo mẫu, phục vụ) và cho nhân viên cấp dưỡng (bao gồm bếp trưởng, bếp phó, cấp dưỡng): trả nguyên lương do tháng tết người lao động được hưởng nguyên lương trong số ngày nghỉ theo Luật Lao động và trong thời gian học sinh được nghỉ học sớm hơn thì người lao động vẫn phải tham gia công tác dọn dẹp vệ sinh, kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ,...

C. THU KHÁC: THU – CHI QUỸ HỘI KHUYẾN HỌC: Thực hiện theo Công văn số 28/HKH ngày 30/7/2018 của Hội Khuyến học tỉnh Bình Dương về thu hội phí khuyến học với mức thu 12.000 đồng/ 1 năm/ 1 hội viên; Thực hiện theo Công văn số 19/HKH ngày 21/02/2023 của Hội Khuyến học tỉnh Bình Dương V/v: chấn chỉnh việc thu hội phí hội Khuyến học:

- Mỗi cha hoặc mẹ học sinh là Hội viên Hội Khuyến học, cần lập danh sách cha hoặc mẹ học sinh theo từng lớp tự nguyện tham gia Hội Khuyến học có chữ ký đồng ý là hội viên. Trên cơ sở danh sách này, chi hội tổ chức phát thẻ và thu hội phí 12.000 đồng/ 1 hội viên/ 1 năm. Nếu trong một trường cha hoặc mẹ có nhiều người con cùng học thì chỉ thu 1 lần và người này không phải đóng hội phí cho Hội khuyến học ở địa phương.

- Số tiền thu được từ Hội phí, Chi hội được giữ lại chi theo định hướng của Hội Khuyến học Tỉnh:

+ 70% dành cho khuyến học, khuyến tài;

+ 30% chi cho Văn phòng phẩm, nước uống các cuộc họp.

- Mức thu: 12.000đ/ 1 hội viên/ 1 năm (Tùy thuộc vào số lượng cha hoặc mẹ học sinh tự nguyện tham gia hội viên).

(Dự kiến tổng thu: 1.500 hội viên x 12.000 đồng/ 1 hội viên/ 1 năm = 18.000.000 đồng).

- Hình thức thu: *thu 1 lần/năm*.

- Thời gian thực hiện thu: Sau Đại hội CHMS lần 3.

* **Thu đủ bù chi:** Thu bao nhiêu chi bấy nhiêu

- Chi 100% cho công tác khuyến học, khuyến tài trong năm (Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong học tập, sau kết quả học kỳ I và cuối năm; Giáo viên có thành tích trong công tác khuyến học, khuyến tài).

* => **Tiền Hội phí Hội viên Hội Khuyến học (đối với HS lớp 1, 2, 3, 4, 5):** Phụ huynh nộp tiền mặt cho GVCN và ký tên vào danh sách tự nguyện đăng ký thành viên Hội khuyến học Trường Tiểu học Phú Thọ xin trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- HT;
- CB, GV, NV, PHHS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG